

*Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2010*

**THÔNG TƯ**

**Quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp  
và hàng nguy hiểm**

Căn cứ Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 quy định về vật liệu nổ công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Bộ Công an quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm như sau:

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm quy định tại Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa (Nghị định số 29/2005/NĐ-CP), Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt (Nghị định số 109/2006/NĐ-CP), Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 về vật liệu nổ công nghiệp (Nghị định số 39/2009/NĐ-CP) và Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (Nghị định số 104/2009/NĐ-CP).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh và vận chuyển nội bộ.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vật liệu nổ công nghiệp* bao gồm: vật liệu nổ công nghiệp, vật liệu nổ công nghiệp mới, tiền chất thuốc nổ quy định tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP; hàng nguy hiểm loại 1 quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 109/2006/NĐ-CP, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 29/2005/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 104/2009/NĐ-CP.

2. *Hàng nguy hiểm* bao gồm: hàng nguy hiểm loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 109/2006/NĐ-CP, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 29/2005/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 104/2009/NĐ-CP.

## **Chương II**

### **ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

## **Điều 4. Điều kiện để được cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp**

Điều kiện để được cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bao gồm:

1. Là tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định pháp luật, có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận chuyển hoặc có giấy phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự do cơ quan có thẩm quyền cấp, có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khẩn cấp về cháy, nổ trên đường vận chuyển.

2. Người áp tải, người điều khiển phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải có đủ các điều kiện:

a) Đủ 18 tuổi trở lên, có lý lịch rõ ràng, không có tiền án, tiền sự; (bản khai lý lịch phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc cơ quan công tác); có giấy phép lái xe, lái tàu hoặc bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với phương tiện đăng ký vận chuyển (đối với người điều khiển phương tiện);

b) Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy do cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền cấp; giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về vật liệu nổ công nghiệp và các biện pháp bảo đảm an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp có thẩm quyền cấp.

3. Phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải có đủ các điều kiện:

a) Có đủ điều kiện để được tham gia giao thông theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; có giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm do cơ quan đăng kiểm cấp;

b) Đáp ứng quy định của Quy chuẩn QCVN 02:2008/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đáp ứng các điều kiện về an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

### **Điều 5. Hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp**

1. Trường hợp vận chuyển ở trong nước

a) Đơn xin đăng ký vận chuyển;

b) Giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị xin cấp giấy phép vận chuyển; xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu của người đến làm thủ tục cấp giấy phép vận chuyển;

c) Bản sao hợp đồng mua bán, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp hoặc văn bản cho phép thử nổ công nghiệp (trường hợp vận chuyển đi thử nổ công nghiệp) hoặc quyết định hủy vật liệu nổ công nghiệp (trường hợp vận chuyển đi hủy) của cơ quan có thẩm quyền (kèm theo bản chính để đối chiếu);

d) Bản sao hóa đơn tài chính hoặc giấy báo hàng hoặc lệnh xuất kho (kèm theo bản chính để đối chiếu);

đ) Bản sao biên bản kiểm tra của Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền về điều kiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp của người áp tải, người điều khiển phương tiện và phương tiện vận chuyển (kèm theo bản chính để đối chiếu);

e) Bản sao hợp đồng vận chuyển (trường hợp phải thuê vận chuyển), kèm theo bản chính để đối chiếu;

g) Bản sao giấy đăng ký khối lượng, chủng loại và thời gian tiếp nhận của cơ quan trực tiếp quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp được vận chuyển đến hoặc văn bản cho phép về địa điểm bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (kèm theo bản chính để đối chiếu);

h) Bản sao giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp (kèm theo bản chính để đối chiếu).

## 2. Trường hợp vận chuyển ra nước ngoài

a) Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép xuất khẩu hoặc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp từ Việt Nam ra nước ngoài (kèm theo bản chính để đối chiếu);

b) Các giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e của khoản 1 Điều này.

## 3. Trường hợp điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

a) Công văn đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b) Bản sao giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp (kèm theo bản chính để đối chiếu).

## **Điều 6. Thẩm quyền, thời hạn cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng tổ chức thực hiện việc cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho các trường hợp vận chuyển ra nước ngoài và các trường hợp đặc biệt khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng chỉ đạo Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nơi có kho, địa điểm tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp vận chuyển đến) thực hiện việc cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu; trường hợp cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nơi có vật liệu nổ công nghiệp được vận chuyển đi hoặc nơi có trụ sở cơ quan, tổ chức quản lý phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển thì phải có văn bản xác nhận về điều kiện tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp của cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nơi có kho tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp vận chuyển đến.

3. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết việc cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép thì phải trả lời, nêu rõ lý do.

## **Điều 7. Hiệu lực của giấy phép vận chuyển**

1. Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp chỉ có giá trị cho một lượt vận chuyển và phải được trả lại cho cơ quan đã cấp giấy phép trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày hoàn tất việc vận chuyển; trường hợp vật liệu nổ công nghiệp có số lượng lớn, phải vận chuyển bằng nhiều phương tiện trong cùng một chuyến thì chỉ cấp một giấy phép vận chuyển; nếu vận chuyển bằng nhiều loại phương tiện khác nhau (đường bộ, đường sắt, đường thủy) thì phải cấp riêng cho mỗi loại phương tiện một giấy phép vận chuyển.

2. Trường hợp trên đường vận chuyển gặp sự cố bất khả kháng mà việc vận chuyển không thể đúng thời gian, tuyến đường đã ghi trong giấy phép hoặc phải thay đổi phương tiện, thay người áp tải, người điều khiển phương tiện thì trước khi vận chuyển tiếp, phải có văn bản xác nhận của cơ quan Công an từ cấp xã trở lên về sự cố bất khả kháng đó.

3. Trường hợp tuyến đường hoặc thời gian đăng ký trong giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp trùng với thời gian hoặc tuyến đường đang trong thời gian có lệnh cấm vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp của cấp có thẩm quyền thì phải chấp hành theo quy định của lệnh cấm đó.

4. Khi có yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong các hoạt động cấp quốc gia hoặc ở những khu vực có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an ninh, trật tự thì Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quyết định hoặc ủy quyền cho Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định tạm ngừng cấp giấy phép hoặc tạm ngừng hiệu lực thi hành của giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

## **Điều 8. Yêu cầu đối với tổ chức và cá nhân quản lý kho, địa điểm tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp**

1. Chấp hành đúng quy định về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, về phòng cháy và chữa cháy đối với kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp và địa điểm bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp.

2. Thực hiện việc kiểm tra trữ lượng vật liệu nổ công nghiệp đang tồn trữ trong kho theo quy định; đăng ký bằng văn bản về khối lượng, chủng loại, thời hạn tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp sẽ vận chuyển đến.

3. Chỉ tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp theo giấy phép vận chuyển của cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền.

4. Trường hợp bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp tại những địa điểm bốc xếp không thường xuyên hoặc tại khu vực nhà ga, bến tàu và các nơi công cộng khác thì phải có văn bản cho phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

### **Điều 9. Báo hiệu phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp**

1. Phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bằng đường bộ, đường sắt: phải dán hoặc gắn biển có ký hiệu chữ M theo mẫu VC05 ban hành kèm theo Thông tư này lên kính phía trước và hai bên thành phương tiện vận chuyển trong suốt quá trình vận chuyển.

2. Phương tiện vận chuyển đường thủy: ban ngày phải cắm cờ báo hiệu có chữ B, ban đêm phải có đèn báo hiệu thấp sáng màu đỏ theo mẫu quy định của Bộ Giao thông vận tải trong suốt quá trình vận chuyển.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM**

### **Điều 10. Phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm**

Phương tiện cơ giới vận chuyển hàng nguy hiểm phải là phương tiện chạy bằng động cơ đốt trong hoặc là loại động cơ phòng nổ và phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Động cơ của phương tiện phải được cách ly với khoang chứa hàng bằng vật liệu không cháy hoặc buồng (khoang) đệm.

2. Ống xả của động cơ phải được đặt ở vị trí kín hoặc được che chắn, bảo đảm an toàn cháy, nổ.

3. Hệ thống điện (kể cả bình ắc quy) phải được bảo đảm không phát sinh tia lửa; dây điện phải đảm bảo đúng tiết diện, cách điện phải tốt, lõi dây phải làm bằng đồng, trừ dây nối với bình ắc quy.

4. Sàn và kết cấu của khoang chứa hàng phải làm bằng vật liệu không bắt lửa và không phát sinh tia lửa do ma sát.

5. Có biện pháp che chắn tránh mưa, nắng.

6. Có dây tiếp đất đối với phương tiện chở chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ.

7. Có biểu trưng và biển báo theo quy định đối với phương tiện chuyên dùng để vận chuyển hàng nguy hiểm.

8. Có trang bị phương tiện chữa cháy theo quy định. Riêng đối với xe bồn vận chuyển khí đốt hóa lỏng thực hiện theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6484:1999 “Khí đốt hóa lỏng - xe bồn vận chuyển - Yêu cầu an toàn về thiết kế, chế tạo và sử dụng”.

### **Điều 11. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm**

1. Hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm đối với phương tiện giao thông cơ giới do cơ quan đăng kiểm cấp;

c) Biên bản kiểm tra điều kiện về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy của người điều khiển và người áp tải; giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về hàng nguy hiểm cho lái xe, người áp tải và thủ kho;

đ) Giấy chứng nhận kiểm định bao bì, thùng chứa hàng nguy hiểm theo quy định của các Bộ quản lý ngành (nếu có).

2. Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng chỉ đạo Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện việc cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm cho tổ chức, cá nhân cư trú hoặc có trụ sở thuộc địa bàn quản lý.

Thời hạn cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm, không quá 3 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép thì phải trả lời, nêu rõ lý do.

### **Điều 12. Hiệu lực của giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm; báo hiệu phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm**

1. Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm có giá trị một lần đối với phương tiện có hợp đồng vận chuyển từng chuyến; có giá trị 12 tháng đối với phương tiện chuyên dùng vận chuyển hàng nguy hiểm.

2. Phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường bộ, đường sắt, phải dán Biểu trưng hàng nguy hiểm về cháy, nổ theo Mẫu VC07 ban hành kèm theo Thông tư này lên kính phía trước và hai bên thành phương tiện vận chuyển trong suốt quá trình vận chuyển.

Phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường thủy, ban ngày phải cắm cờ báo hiệu có chữ “B”, ban đêm phải có đèn báo hiệu thấp sáng màu đỏ theo mẫu quy định của Bộ Giao thông vận tải trong suốt quá trình vận chuyển.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2010.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu để thực hiện trong việc cấp giấy phép và thực hiện các quy định về vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm:

a) Mẫu VC01 (Biên bản kiểm tra các điều kiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp);

- b) mẫu VC02 (Giấy chứng nhận đăng ký tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp);
- c) Mẫu VC02A (Giấy đăng ký tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp);
- d) Mẫu VC03 (Giấy đăng ký vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp);
- đ) Mẫu VC04 (Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp);
- e) Mẫu VC05 (Báo hiệu phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp);
- g) Mẫu VC06 (Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm);
- h) Mẫu VC07 (Biểu trưng hàng nguy hiểm);
- i) Mẫu VC08 (Đơn đề nghị cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm).

3. Bãi bỏ mục VIII Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

#### **Điều 14. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Tổng cục trưởng các Tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc nảy sinh, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội) để có hướng dẫn kịp thời.

#### **Nơi nhận:**

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
- UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Các Thủ trưởng BCA (để chỉ đạo thực hiện);
- Các Tổng cục, Bộ tư lệnh, đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, TP trực thuộc trung ương, Sở Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ TP. Hồ Chí Minh;
- Công báo;
- Lưu: VT, C66, V19. 200b.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đại tướng Lê Hồng Anh**